

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG PẮC
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 21/2019/HNGĐ-ST

Ngày 01 tháng 10 năm 2019

V/v: “*Ly hôn, tranh chấp về tài sản chung*”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG PẮC, TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đình Nghịch.
2. Ông Ngô Văn Tuyền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hà Hương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thuỷ – Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 10 năm 2019 tại phòng xử án Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 178/2019/TLST- HNGĐ ngày 27 tháng 5 năm 2019 về việc: “*Ly hôn, tranh chấp tài sản chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2019/QĐXXST-DS, ngày 09 tháng 9 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số: 15A QĐST-HNGĐ ngày 23/9/2019 giữa các đương sự:

+ *Nguyên đơn:* Bà Thiều Thị L, sinh năm 1971 (Có mặt)

+ *Bị đơn:* Ông Nguyễn Minh Tr, sinh năm 1970 .(Vắng mặt)

Cùng trú tại: Thôn Ph, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 15/5/2019 bản tự khai ngày 10/6/2019, tài các buổi làm việc tiếp theo và tại phiên tòa nguyên đơn bà Thiều Thị L trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi và ông Nguyễn Minh Tr sống chung với với nhau từ năm 1997 trên cơ sở tình yêu tự nguyện, có tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán và có Đăng ký kết hôn tại UBND xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk vào ngày

21/01/1997. Sau khi cưới vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng 6 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông Nguyễn Minh Tr thường xuyên rượu chè rồi về nhà đánh đập vợ con, đập phá tài sản, thậm chí nhiều lần ông Tr còn đòi đốt nhà và đuổi vợ con ra khỏi nhà. Từ năm 2005 đến nay vợ chồng tôi sống ly thân nhau mạnh ai nấy sống, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau nữa.

Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt nên bà Thiều Thị L nộp đơn đến Tòa án xin được ly hôn theo quy định của pháp luật .

- Về con chung: Theo bà L thì trong thời gian sống chung bà L và ông Tr có 02 người con chung là:

1. Nguyễn Thị Minh Tr: sinh ngày 16/10/1998.

2. Nguyễn Thị Tố Tr1; sinh ngày 18/5/2000.

Nguyên vọng của bà Thiều Thị L, hiện nay các con của bà là cháu Tr và Tr1 đã trưởng thành bà L và có quyền lựa chọn cuộc sống riêng của mình, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Trong đơn khởi kiện bà L kê khai và yêu cầu Tòa án giải quyết số tài sản chung gồm:

- 01 lô đất thổ cư có diện tích 240m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R 594173 do UBND huyện K cấp cho hộ Nguyễn Minh Tr ngày 26/10/2001 trên đất có căn nhà xây cấp 4 diện tích khoảng 50m² tại thôn Ph xã E.

- 01 lô đất có diện tích 2080m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CD 652028 do UBND huyện K cấp cho ông Nguyễn Minh Tr ngày 15/9/2016;

- 01 Lô đất có diện tích 1000m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CD 652030 do UBND huyện K cấp cho ông Nguyễn Minh Tr ngày 15/9/2016.

- 01 lô đất có diện tích 1750 m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CD 652029 do UBND huyện K cấp cho ông Nguyễn Minh Tr ngày 15/9/2016.

Ngày 10/6/2019 bà Thiều Thị L có đơn xin rút yêu cầu khởi kiện đối với số tài sản chung của vợ chồng.

+ Về nợ chung: Theo bà L thì trong quá trình chung sống bà và ông Tr không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại bản tự khai ngày 20/6/2019 và tại các buổi làm việc tiếp theo bị đơn ông Nguyễn Minh Tr trình bày:*

Ông Tr thừa nhận lời trình bày của bà L về thời gian chung sống kết hôn, con chung, tài sản chung là hoàn toàn đúng thực tế. Theo ông Tr thì nguyên nhân dẫn đến vợ ông nộp đơn đến Tòa án ly hôn là do: Từ năm 2018 đến nay ông thường đi làm ăn xa không quan tâm đến gia đình, việc ông đi làm ăn xa bà L không đồng ý nên khi về nhà thì bà L và ông lại cãi nhau, có nhiều khi không làm chủ được bản thân ông có

đánh bà L vài bạt tai. Do vậy bà L mới nộp đơn xin ly hôn. Xét thấy trong việc này ông có một phần lỗi nên ông Tr xin được đoàn tụ. Trong trường hợp bà L nhất quyết ly hôn thì ông cũng đồng ý. Về con chung các con đã lớn nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay:

Nguyên đơn bà Thiều Thị L giữ nguyên ý kiến xin được ly hôn với ông Nguyễn Minh Tr. Về con chung không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung bà L vẫn giữ nguyên quan điểm xin rút yêu cầu khởi kiện đối với phần tài sản chung của vợ chồng. Về nợ chung: Bà Lộc không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Minh Tr vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX), Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đều thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn ông Nguyễn Minh Tr đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các quyết định tố tụng và giấy triệu tập nhưng vẫn vắng mặt không có lý do là vi phạm các quy định tại Điều 70, 72, 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS).

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39; 217, 218, 219, và Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51; Điều 53, Điều 54, khoản 1 Điều 56, Luật hôn nhân và gia đình. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Thiều Thị L ly hôn ông Nguyễn Minh Tr. Về con chung: Các con của ông Tr bà L đã trên 18 tuổi nên các cháu có quyền quyết định cuộc sống riêng của mình, nên không đề cập giải quyết. Về nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không đề cập giải quyết. Về tài sản chung: Đình chỉ đối với yêu cầu khởi kiện của bà Thiều Thị L về phần tài sản chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu đã có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của đương sự có mặt tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền:

Về quan hệ tranh chấp: Căn cứ vào đơn khởi kiện đề ngày 15/5/2019 của bà Thiều Thị L. HĐXX xác định đây là vụ án Ly hôn, tranh chấp tài sản chung giữa nguyên đơn bà Thiều Thị L và bị đơn ông Nguyễn Minh Tr theo khoản 1 Điều 28 BLTTDS.

Về thẩm quyền: Xét thấy tại thời điểm bà Thiều Thị L làm đơn khởi kiện xin ly hôn, bị đơn ông Nguyễn Minh Tr đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay tại thôn Ph, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc áp

dụng điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

Tại phiên tòa lần thứ nhất bị đơn ông Nguyễn Minh Tr vắng mặt không có lý do nên HĐXX đã hoãn phiên tòa và tiếp tục tổng đạt quyết định hoãn phiên tòa cho ông Nguyễn Minh Tr. Tại phiên tòa hôm nay ông Tr vẫn tiếp tục vắng mặt do vậy HĐXX áp dụng Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt ông Nguyễn Minh Tr

[2] Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Thiệu Thị L và ông Nguyễn Minh Tr sống chung với nhau trên cơ sở tự nguyện có Đăng ký kết hôn vào ngày 21/01/1997 tại UBND xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Đây là hôn nhân hợp pháp theo quy định Luật hôn nhân và gia đình.

Mặc dù trong quá trình giải quyết vụ án ông Nguyễn Minh Tr có nguyện vọng xin được đoàn tụ gia đình. Tuy nhiên, tại bản tự khai ngày 10/6/2019 của nguyên đơn bà Thiệu Thị L, và tại biên bản lấy lời khai của ông Nguyễn Minh Tr ngày 20/6/2019 cũng như trong quá trình giải quyết vụ án ông Tr thừa nhận: Trong quá trình chung sống từ năm 2018 đến nay ông thường đi làm ăn xa không quan tâm đến gia đình, việc ông đi làm ăn xa bà L không đồng ý nên khi về nhà thì bà L và ông lại cãi nhau, có nhiều khi không làm chủ được bản thân ông có đánh bà L vài bạt tai. Ngoài ra tại biên bản xác minh ngày 18/7/2019 (BL 37) đại diện chính quyền địa phương cung cấp: Trong thời gian bà L và ông Tr sống tại địa phương thì vợ chồng bà L ông Tr thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông Tr thường xuyên rượu chè rồi về nhà gây gỗ đánh đập bà L. Địa phương đã nhiều lần can thiệp hòa giải nhưng không có kết quả. Căn cứ vào các chứng cứ nêu trên cho thấy việc bà L và ông Tr sống với nhau không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được do đó ông Tr xin đoàn tụ là không có căn cứ. Vì vậy, HĐXX cần áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 cho bà L được ly hôn ông Nguyễn Minh Tr là đúng theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Trong quá trình chung sống bà L và ông Tr có hai người con chung là Nguyễn Thị Minh Tr, sinh ngày 16/10/1998; Nguyễn Thị Tố Tr1, sinh ngày 18/5/2000. Xét thấy hiện nay cháu Tr và cháu Tr1 đã trên 18 tuổi, các cháu có quyền quyết định cuộc sống của mình nên không đề cập giải quyết.

Về tài sản chung: Trong đơn khởi kiện bà Thiệu Thị L yêu cầu Tòa án giải quyết số tài sản chung gồm:

- 01 lô đất thổ cư có diện tích 240m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R 594173 do UBND huyện K cấp cho hộ Nguyễn Minh Tr ngày 26/10/2001 trên đất có căn nhà xây cấp 4 diện tích khoảng 50m² tại thôn Ph, xã E.

- 01 lô đất có diện tích 2080m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CD 652028 do UBND huyện K cấp cho ông Nguyễn Minh Tr ngày 15/9/2016;

- 01 Lô đất có diện tích 1000m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CD 652030 do UBND huyện K cấp cho ông Nguyễn Minh Tr ngày 15/9/2016 .

- 01 lô đất có diện tích 1750m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CD 652029 do UBND huyện K cấp cho ông Nguyễn Minh Tr ngày 15/9/2016.

Ngày 10/6/2019 bà Thiệu Thị L có đơn xin rút yêu cầu khởi kiện, theo đó bà L xin rút yêu cầu đối với số tài sản trên. Xét thấy việc rút yêu cầu khởi kiện của bà L là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc. Bản thân ông Tr cũng không có ý kiến gì đối với việc rút yêu cầu của bà L. Vì vậy, HĐXX căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 217, 218, 219 và Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự. Đình chỉ đối với yêu cầu khởi kiện của bà Thiệu Thị L về phần tài sản chung là phù hợp với quy định của pháp luật.

Về nợ chung: Trong quá trình giải quyết vụ án bà L ông Tr không yêu cầu Tòa án giải quyết phần nợ chung. Nên HĐXX không đề cập xem xét.

[3] Về án phí: Bà Thiệu Thị L phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[4] Xét thấy quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk là phù hợp nên HĐXX chấp nhận ý kiến của Viện kiểm sát.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm c khoản 1 Điều 217, Điều 218, Điều 219, Điều 227, Điều 228, Điều 244 BLTTDS;

- Căn cứ vào các khoản 1 Điều 51, 53, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Thiệu Thị L được ly hôn với ông Nguyễn Minh Tr.

- Về con chung: Hiện nay cháu hai con chung của bà L và ông Tr là Nguyễn Thị Minh Tr, sinh ngày 16/10/1998; Nguyễn Thị Tố Tr1, sinh ngày 18/5/2000 hiện nay đã đủ 18 tuổi các cháu có quyền quyết định cuộc sống riêng của mình, nên HĐXX không đề cập giải quyết.

- Về tài sản chung: Đình chỉ đối với yêu cầu khởi kiện của bà Thiệu Thị L về phần tài sản chung.

Bà Thiệu Thị L và ông Nguyễn Minh Tr được khởi kiện lại đối với yêu cầu chia tài sản chung theo quy định của pháp luật.

- Về nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không đề cập giải quyết.

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Thiều Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn, được khấu trừ vào 3.300.000 đồng (Ba triệu ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí bà L đã nộp. Hoàn trả lại cho bà Thiều Thị L 3.000.000đ (Ba triệu đồng) tiền tạm ứng án phí còn lại theo biên lai thu số AA/2019/0000267 ngày 23/5/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự /.

Nơi nhận:

- TAND huyện Krông Pắc;
- VKSND huyện Krông Pắc;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- THADS huyện K;
- Người tham gia tố tụng;
- UBND xã E;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thu Hiền

